TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 121/2025/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 213/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc *" Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Chị Lê Ngọc M, sinh năm 2005.

2/ Anh Bùi Thành T, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: B T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành T và chị Lê Ngọc M thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

Xét thấy các bên tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Các đương sự xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Vì vậy, không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đ *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu, chị Lê Ngọc M thỏa thuận nhận chịu toàn bộ. Đây là đương sự tự nguyện chịu, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành T và chị Lê Ngọc M thỏa thuận thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Các đương sự xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* các đương sự phải chịu. Chị Lê Ngọc M thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị Lê Ngọc M đã nộp theo biên lai số 0002530 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Lê Ngọc M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- VKSND KV 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND xã Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Bình

TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 17/2023/QĐST-DS	*Tp ., ngày 14 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 78/2023/TLST-DS, ngày 01-6-2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết P1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ B, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Viết P1 phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền nợ gốc 77.000.000 đồng *(Bảy mươi bảy triệu đồng)* và tiền lãi từ ngày 24/01/2022 đến ngày 14/6/2023 là 77.000.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 10.908.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 87.908.000 đồng *(T1 mười bảy triệu chín trăm linh tám nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Toà án.

- Ông Nguyễn Viết P1 phải chịu 2.197.700 đồng *(Hai triệu một trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền 1.925.000 đồng *(Một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001331 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;.
- Chi cục TP K;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ry Thị Mỹ Hoàng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

Số: 12/2023/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp ., ngày 04 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST-DS, ngày 10-3-2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số I P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Trần Đặng Hữu H, sinh năm 1989 và chị Trần Hoài T2, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số H K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Anh Trần Đặng Hữu H và chị Trần Hoài T2 phải trả anh Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng *(T1 trăm hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi từ ngày 12/8/2022 đến ngày 25/4/2023 là 820.000.000 đồng x 10%/năm x 8 tháng = 54.666.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 874.666.000 đồng *(T1 trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Toà án.

- Anh Trần Đặng Hữu H và chị Trần Hoài T2 phải chịu 19.119.000 đồng *(Mười chín triệu một trăm mười chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền 18.300.000 đồng *(Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001214 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;.
- Chi cục THADS.TP Kon Tum;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hường